

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B , TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H1 , sinh năm 1996 (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 34, tổ dân phố M , phường TX , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thùy L1 , sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐQ , xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/03/2022 và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thùy L1 kết hôn với nhau ngày 21/6/2018 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân phường TX , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị L1 về làm dâu gia đình nhà anh ngay và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất ĐQ điểm sống, không bản ban được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng từ cuối năm 2019 nên chị L1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L1 .

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thùy L1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Ng1 , sinh ngày 25/02/2019. Hiện nay cháu Ng1 đang ở cùng chị L1 và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đồng ý để chị L1 nuôi cháu Ng1 . Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị L1 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Thùy L1* đã được mẹ đẻ là bà Lưu Thị Lệ thông báo và giao tận tay toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị L1 không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

*Tại biên bản làm việc ngày 26/4/2022, bà Hà Thị Thật (mẹ đẻ anh Nguyễn Văn H1 ) cung cấp:* Năm 2018, anh Nguyễn Văn H1 kết hôn với chị Nguyễn Thùy L1 , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TX , thành phố B , tỉnh Bắc Giang và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, chị L1 về làm dâu và sinh sống cùng gia đình bà. Anh H1 chị L1 chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất ĐQ điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, có lúc còn đánh nhau. Sau khi mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2019, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên chị L1 và con trai đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay, không quan tâm gì tới anh H1 . Nay anh H1 làm đơn xin ly hôn chị L1 , bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh H1 về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Trường hợp anh H1 vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H1 chị L1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Ng1 , sinh ngày 25/02/2019. Trường hợp anh H1 chị L1 ly hôn thì bà đồng ý để chị L1 nuôi cháu Ng1 vì cháu Ng1 còn nhỏ.

*Tại biên bản làm việc ngày 13/05/2022, bà Lưu Thị Lệ (là mẹ đẻ chị Nguyễn Thùy L1 ) cung cấp:* Chị Nguyễn Thùy L1 là con gái của bà và hiện đang sống cùng bà tại thôn Đồng Sau, xã ĐS , thành phố B . Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo làm việc, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ...bà đã nhận và thông báo lại cho chị L1 biết. Chị L1 cũng đã biết về việc anh H1 xin ly hôn và chị không có ý kiến gì. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án chị L1 có nói lại với bà là do đi làm xa, thường xuyên không có mặt ở nhà trong giờ hành chính nên không thể thu xếp đến Tòa án để làm việc được. Việc anh H1 xin ly hôn chị đồng ý vì vợ chồng sống ly thân đã lâu (từ cuối năm 2019 đến nay), hiện chị không còn tình cảm gì với Hải. Đối với con chung là cháu Nguyễn Đình Ng1 , sinh ngày 25/02/2019 chị có nguyện vọng được nuôi cháu Ng1 và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thùy L1 đã được triệu tập họp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn chị Nguyễn Thùy L1 .

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thùy L1 tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Ng1 , sinh ngày 25/02/2019. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L1 .

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn H1 xin ly hôn chị Nguyễn Thùy L1 và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung của vợ chồng nên đây là quan hệ pháp luật về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”. Bị đơn chị Nguyễn Thùy L1 có địa chỉ tại thôn Đồng Sau, xã ĐS , thành phố B , tỉnh Bắc Giang nên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H1 và chị Nguyễn Thùy L1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TX , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Anh H1 cũng đã cung cấp được giấy đăng ký kết hôn bản gốc. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh H1 chị L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh H1 xin ly hôn, chị L1 xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn. Việc đồng ý ly hôn của chị L1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc gì nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H1 .

[4] Về con chung: Anh H1 chị L1 đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đăng Nguyên, sinh ngày 25/02/2019. Ly hôn, chị L1 có nguyện

vọng được nuôi con chung, anh H1 đồng ý để chị L1 nuôi cháu Nguyễn Đăng Nguyên nên cần chấp nhận nguyện vọng của anh H1 chị L1 . Giao cho chị Nguyễn Thùy L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đăng Nguyên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh H1 chị L1 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H1 chị L1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Nguyễn Văn H1 được ly hôn chị Nguyễn Thùy L1 .

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thùy L1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình Ng1 , sinh ngày 25/02/2019. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001430 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B . Anh H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B ;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- UBND phường TX ;  
thành phố B ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lương Thị Thanh Quyên**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Thanh Quyên**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B ;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- UBND phường Trần Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lương Thị Thanh Quyên**